

Số: 05/2025/QĐST-KDTM

Sơn La, ngày 15 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 7 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 17/2025/TLST-KDTM ngày 11 tháng 6 năm 2025 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần A1. Địa chỉ: Tầng A, 2, 3 tòa Geleximco, số C H, phường Ô, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Duy H - chức vụ: Tổng giám đốc. Ông Nguyễn Huy T - chức vụ: Trưởng ban xử lý nợ. Đại diện theo ủy quyền lại: Bà Tạ Thị Hương T1, bà Vũ Thị T2, ông Trần Tuấn A, ông Lê Việt P, bà Nghiêm Thị Thu T3 - cán bộ xử lý nợ. (Văn bản ủy quyền ngày 25/03/2025).

- *Bị đơn*: Công ty cổ phần T4. Địa chỉ theo ĐKKD thay đổi lần 7: Nhà bà H1, thôn B, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình (nay là xã V, tỉnh Hưng Yên). Địa chỉ theo HĐTD: Nhà ông P1, xóm F, thôn B, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình (nay là xã V, tỉnh Hưng Yên). Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Trang C - chức vụ: Giám đốc.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tính đến ngày 07 tháng 8 năm 2025, Công ty Cổ phần T4 còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần A1 tổng số tiền: **11.338.981.500đ** (mười một tỷ, ba trăm ba mươi tám triệu, chín trăm tám mươi một nghìn, năm trăm đồng).

Công ty Cổ phần T4 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A1 tổng số tiền: **11.338.981.500đ** (mười một tỷ, ba trăm ba mươi tám triệu, chín trăm tám mươi một nghìn năm trăm đồng), trong đó số tiền nợ gốc là: **6.345.773.767đ** (sáu tỷ, ba trăm bốn mươi lăm triệu, bảy trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm sáu mươi bảy đồng), số tiền nợ lãi là: **4.993.207.733đ** (bốn tỷ, chín trăm chín mươi ba triệu, hai trăm linh bảy nghìn, bảy trăm ba mươi ba đồng) theo Hợp đồng cho vay từng lần số: 3710/17/TD-TT/XII.5 ngày 25/07/2017; Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng cho vay từng lần số 6407/19/PLTD-TT/XII.5 ngày 09/12/2019 (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng số 3710/17/TD-TT/XII.5 ngày 25/07/2017); Hợp đồng cho vay hạn mức số 6389/19/TD-TT/XII.5 ngày 09/12/2019; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 284/20/PLTD-TT/XII.5 ngày 31/01/2020 (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 6389/19/TD-TT/XII.5 ngày 09/12/2019).

2.2. Về phương án trả nợ:

- Lần thứ nhất: Chậm nhất đến ngày 30/11/2025, Công ty Cổ phần T4 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A1 số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng), trừ vào tiền nợ gốc.

- Lần thứ 2: Chậm nhất đến ngày 31/12/2025, Công ty Cổ phần T4 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A1 số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng), trừ vào tiền nợ gốc.

- Lần thứ 3: Chậm nhất đến ngày 31/01/2026, Công ty Cổ phần T4 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A1 số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), trừ vào tiền nợ gốc.

- Lần thứ 4: Chậm nhất đến ngày 28/02/2026, Công ty Cổ phần T4 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A1 số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), trừ vào tiền nợ gốc.

- Lần thứ 5: Chậm nhất đến ngày 31/03/2026, Công ty Cổ phần T4 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A1 số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), trừ vào tiền nợ gốc.

- Lần thứ 6: Chậm nhất đến ngày 30/4/2026, Công ty Cổ phần T4 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A1 số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng), trừ vào tiền nợ gốc.

- Lần thứ 7: Chậm nhất đến ngày 30/5/2026, Công ty Cổ phần T4 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A1 số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng), trừ vào tiền nợ gốc.

- Lần thứ 8: Chậm nhất đến ngày 30/6/2026, Công ty Cổ phần T4 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A1 số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng), trừ vào tiền nợ gốc.

- Lần thứ 9: Chậm nhất đến ngày 31/7/2026, Công ty Cổ phần T4 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A1 số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), trừ vào tiền nợ gốc.

- Lần thứ 10: Chậm nhất đến ngày 30/8/2026, Công ty Cổ phần T4 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A1 số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), trừ vào tiền nợ gốc.

- Lần thứ 11: Chậm nhất đến ngày 30/9/2026, Công ty Cổ phần T4 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A1 toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi còn lại là: **10.703.981.500** (mười tỷ, bảy trăm linh ba triệu chín trăm tám mươi một nghìn năm trăm đồng) và lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 8/8/2025 theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại Hợp đồng cho vay từng lần số: 3710/17/TD-TT/XII.5 ngày 25/07/2017; Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng cho vay từng lần số 6407/19/PLTD-TT/XII.5 ngày 09/12/2019 (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng số 3710/17/TD-TT/XII.5 ngày 25/07/2017); Hợp đồng cho vay hạn mức số 6389/19/TD-TT/XII.5 ngày 09/12/2019; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 284/20/PLTD-TT/XII.5 ngày 31/01/2020 (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 6389/19/TD-TT/XII.5 ngày 09/12/2019).

Trường hợp Công ty Cổ phần T4 vi phạm bất kỳ lần trả nợ nào trong 11 (mười một) lần trả nợ trên (trả không đủ số tiền đã cam kết hoặc trả không đúng thời gian đã cam kết của mỗi lần trả nợ) thì thỏa thuận này không còn hiệu lực. Ngân hàng Thương mại cổ phần A1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp của công ty cổ phần T4 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 3954/17/TC-TT/XII.5 ngày 24/07/2017 và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp; Hợp đồng thế chấp tài sản số 640/19/TC-TT/XII.5 ngày 22/02/2019 và các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp để xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ theo quy định của pháp luật, bao gồm:

* *Nhà máy G và toàn bộ tài sản gắn liền với đất*: Tại thửa đất số 01, địa chỉ: Bản M, xã C, huyện V, tỉnh Sơn La (nay là bản M, xã T, tỉnh Sơn La), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 428949, số vào sổ cấp GCNQSD đất: CT 00237, quyết định số: 295/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh S cấp ngày 05/5/2017 cho Công ty cổ phần T4. Hình thức sử dụng: riêng. Mục đích sử dụng: Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm (Xây dựng nhà máy G). Thời hạn sử dụng: đến ngày 29/5/2030. Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm. Tổng diện tích đo đạc hiện trạng tại khu đất là 11.585,8m² (giảm so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 158,4m²), gồm các tài sản trên đất:

+ Nhà chứa đất có diện tích: 936,7m²

+ Nhà điều hành có diện tích 161,6m²

+ Nhà bán hàng có diện tích 65,0m²

- + Nhà bao che lò nung (nhà khung sắt mái tôn) có diện tích 2.805,4m²
- + Nhà vệ sinh có diện tích 3,9m²
- + Kho vật liệu có diện tích 14,0m²
- + Đường dây chuyên có diện tích 1.763,9m²
- + Lò nung có diện tích 756,1m²

(Có sơ đồ kèm theo)

** Dây chuyền sản xuất gạch Tuynel gồm:*

- Phần chế biến tạo hình:

- + Máy cấp liệu thùng 3.5: 01 máy, đang sử dụng.
- + Máy cấp liệu băng than CLB 100-3m³: 01 máy, đang sử dụng.
- + Máy cán mịn 100x800: 01 máy, đang sử dụng.
- + Máy nhào trộn hai trục NT500: 01 máy, đang sử dụng.
- + Máy cắt gạch tự động B600: 01 máy, đang sử dụng.
- + Máy nhào đùn chân không NĐCK 500: 01 máy, đang sử dụng.
- + Băng tải gạch mộc B600: 01 hệ thống, đang sử dụng.
- + Băng tải hồi liệu - băng tải than B500: 01 hệ thống, đang sử dụng.

- Dây chuyền cung cấp đất:

- + Máy cấp liệu thùng 3.5: 01 máy, đang sử dụng.
- + Máy nhào lọc thủy lực 550 (nhà chứa đất): 01 máy, đang sử dụng.
- + Máy cán thô 1000x800: 01 máy, đang sử dụng.
- + Máy cán mịn 1200x900: 01 máy, đang sử dụng.
- + Băng tải di động đảo chiều bể ủ B650: 01 hệ thống, đang sử dụng.
- + Băng tải chuyển liệu 650: 01 hệ thống, đang sử dụng.

- Phần thiết bị lò nung sấy:

- + Quạt li tâm N16: 01 cái, đang sử dụng.
- + Quạt li tâm N14: 01 cái, đang sử dụng.
- + Quạt li tâm N12: 01 cái, đang sử dụng.
- + Tủ điều khiển hệ thống quạt lò công nghiệp: 01 tủ, đang sử dụng.
- + Tời kéo goong tời cáp D14: 09 cái, đang sử dụng.
- + Tời kéo goòng trên xe phà tk 3000: 03 cái, đang sử dụng.
- + Tời nâng cửa TN 750: 04 cái, đang sử dụng.
- + Xe phà điện: 03 cái, đang sử dụng.
- + Kích đẩy thủy lực lò nung hầm sấy KĐTL 80/3400: 02 cái, đang sử dụng.

+ Xe goòng 2,7x2,7m: 150 cái, đang sử dụng.

- *Phần lò nung sây*: Lò nung + hầm sây tuynel dài 85m, kênh lò 2,7m, khối xây 66 xe goòng, 10 đường ray mộc, 1 đường ray gạch chín, 3 đường ray xe phà: 01 hệ thống, đang sử dụng.

- *Trạm biến áp*: Trạm biến áp 750kva 22/0.4KV: 01 hệ thống, đang sử dụng.

- *Phần hệ thống điện*:

+ Hệ thống điện máy chế biến tạo hình: 01 hệ thống, đang sử dụng.

+ Hệ thống điện nung sây: 01 hệ thống, đang sử dụng.

+ Máy nghiền than.

+ sàng lòng than: 01 máy, đang sử dụng.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A1 thì Công ty Cổ phần T4 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng cho đến khi hết nợ.

2.3. Về chi phí tố tụng:

Bị đơn Công ty Cổ phần T4 tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 23.373.000đ (hai mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi ba nghìn đồng). Ngân hàng Thương mại cổ phần A1 đã nộp tạm ứng số tiền này, do đó công ty cổ phần T4 phải trả lại cho nguyên đơn số tiền chi phí tố tụng nêu trên.

Trả lại cho ngân hàng Thương mại cổ phần A1 số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là: 1.627.000đ (một triệu, sáu trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

2.4. Về án phí:

Công ty Cổ phần T4 tự nguyện chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là: 59.669.490đ (năm mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm chín mươi đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A1 số tiền 59.453.000đ (năm mươi chín triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003230 ngày 11/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực I - Sơn La (2);
- Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

Lò Thị Mai Hương